

THẤY GÌ TỪ XUẤT, NHẬP KHẨU QUÝ I ?

TRẦN ĐÀO

Với một nền kinh tế định hướng xuất khẩu, thì xuất khẩu là một chỉ báo quan trọng, là động lực của tăng trưởng kinh tế, mà còn góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, cải thiện cán cân thanh toán, ổn định tỷ giá... Với ý nghĩa như vậy, tiến độ xuất nhập khẩu được đặc biệt quan tâm.

Theo công bố của Tổng cục Thống kê, tốc độ tăng, giảm xuất, nhập khẩu trong quý I/2009 như trong biểu đồ. Vậy thấy gì từ xuất, nhập khẩu trong quý I?

Xuất khẩu-kết quả và những hạn chế

Xuất khẩu trong quý I đã đạt được 3 kết quả tích cực.

Một, tổng kim ngạch xuất khẩu tăng, trong điều kiện xuất khẩu gặp nhiều khó khăn, trong điều kiện xuất khẩu có nhiều nước tăng trưởng âm.

Hai, trong khi xuất khẩu của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài bị suy giảm, thì xuất khẩu của khu vực kinh tế trong nước tăng với tốc độ cao hiếm thấy để bù vào.

Ba, một số mặt hàng tăng khá.

Mặt hàng gạo ước 3 tháng đạt 1.743 nghìn tấn, tăng 71,3% (hay tăng 725 nghìn tấn); tăng 2,9% về giá (hay tăng gần 12 USD/tấn, làm tăng 22 triệu USD), nên kim ngạch đạt 785 triệu USD, đã tăng 76,2% về kim ngạch hay tăng 339 triệu USD. Chính lượng và giá xuất khẩu gạo tăng không chỉ đóng góp với xuất khẩu, mà còn góp phần làm cho nông dân nhất là nông dân Nam Bộ phần khởi do vừa được mùa, vừa được giá, tích cực thu

hoạch lúa đông xuân cũng như làm vụ lúa hè thu.

Hạt tiêu trong 3 tháng đã xuất khẩu được 25 nghìn tấn, tăng 64,5% hay tăng 15,2 nghìn tấn; nhờ vậy, dù giá bị giảm, nhưng kim ngạch vẫn đạt 63 triệu USD, tăng 15,5% hay tăng 8,5 triệu USD.

Chè tăng 10,2% về lượng (hay tăng 2,2 nghìn tấn) và đạt 29 triệu ha, tăng 10,5% về kim ngạch (hay tăng 2,8 triệu USD).

Rau quả đạt 91 triệu USD, tăng 2,6% hay tăng 2,3 triệu USD.

Đáng lưu ý mặt hàng sắn và sản phẩm sắn trong quý I xuất khẩu đã đạt 181 triệu USD, cao gấp hơn 2,2 lần cùng kỳ, hay tăng 100 triệu USD.

Một số mặt hàng khác tăng về lượng, nhưng do giá giảm nên kim ngạch bị giảm (dầu thô tăng 22,4%, hạt tiêu tăng 64,5%, cà phê tăng 21,4%, hạt điều tăng 0,9%).

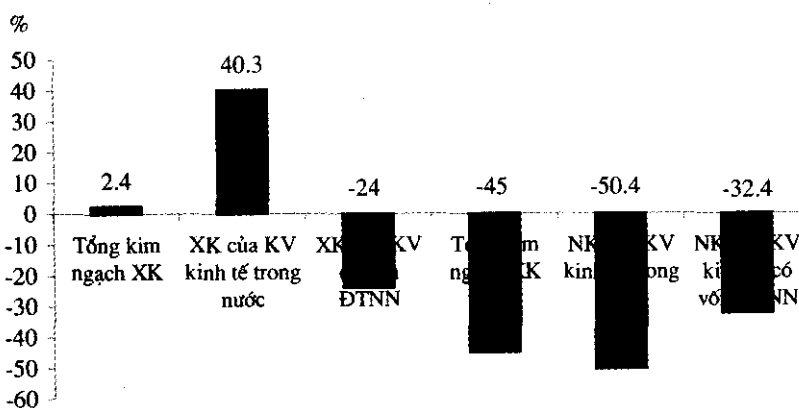
Đạt được kết quả tích cực trên do nhiều nguyên nhân. Có nguyên nhân do những giải pháp hỗ trợ về vốn, về lãi suất, về giảm, giãn, hoãn thuế đối với sản xuất nói chung và xuất khẩu

nói riêng. Có nguyên nhân do tỷ giá đã được điều hành linh hoạt nhưng theo hướng khuyến khích xuất khẩu (tháng 3/2009 so với tháng 12/2008 tỷ giá VND/USD tăng 2,6%; nếu tính bình quân 3 tháng năm nay so với bình quân 3 tháng cùng kỳ năm trước tăng 9,53%). Có nguyên nhân do sự cố gắng của các doanh nghiệp trong nước, với sự tích cực xúc tiến thương mại, tìm kiếm thị trường...

Tuy nhiên, xuất khẩu trong quý I cũng có những hạn chế và gặp nhiều thách thức. Những hạn chế, thách thức của xuất khẩu được biểu hiện trên nhiều mặt.

Thứ nhất, xuất khẩu tăng thấp nhất trong nhiều năm qua. Hơn nữa, xuất khẩu tăng lại chủ yếu là do xuất khẩu đá quý và kim loại quý (chủ yếu là tái xuất khẩu vàng) tháng 1 đạt 139 triệu USD (cao gấp gần 7 lần cùng kỳ năm trước); tháng 2 đạt 1.302 triệu USD (cao gấp trên 120 lần cùng kỳ); tháng 3 ít hơn cũng đạt 850 triệu USD (cao gấp 41 lần); tính chung cả quý ước đạt 2.287 triệu USD (cao gấp gần 50 lần cùng kỳ). Nếu không kể xuất khẩu đá quý, kim

TỐC ĐỘ TĂNG, GIẢM XUẤT, NHẬP KHẨU QUÝ I/2009



loại quý, thì quý I xuất khẩu sẽ bị giảm 14,3%. Xuất khẩu vàng là cân thiết. Đó là sự tranh thủ khi có sự chênh lệch lớn về giá giữa trong nước và quốc tế, vừa thu được ngoại tệ mạnh, vừa huy động được lượng vàng còn tồn đọng lớn ở trong dân, vừa cải thiện cán cân thương mại, cán cân thanh toán, ổn định tỷ giá,... Tuy nhiên, khi giá thế giới giảm xuống, chênh lệch sẽ không còn, thậm chí còn ngược lại (tức là giá trong nước cao hơn giá quốc tế) thì sẽ xuất hiện tình hình nhập khẩu vàng chính thức (đã được ngừng cấp giấy phép cách đây gần 1 năm) hoặc nhập lậu và sẽ tác động ngược lại so với khi xuất khẩu vàng tăng.

Thứ hai, xuất khẩu của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài bị sụt giảm mạnh. Ngoài yếu tố giá xuất khẩu dầu thô giảm mạnh so với cùng kỳ (giảm 55,5%) làm giảm tới 1.777 triệu USD, các hàng hoá khác của khu vực này cũng giảm mạnh (giảm 13%), chứng tỏ công ty mẹ ở các nước đang gặp nhiều khó khăn.

Thứ ba, trong 23 mặt hàng chủ lực, chỉ có 6 mặt hàng tăng, còn lại 17 mặt hàng kim ngạch giảm (dệt may, dầu thô, giày dép, thủy sản, cà phê, gỗ và sản phẩm gỗ, điện tử, máy tính và linh kiện, than đá, sản phẩm chất dẻo...).

Cơ cấu xuất khẩu vẫn chuyển dịch chậm. Nhóm hàng là nguyên liệu thô khai thác tự nhiên chiếm tỷ trọng lớn. Nhóm hàng nông lâm thủy sản chưa qua chế biến hoặc mới qua sơ chế còn chiếm tỷ trọng không nhỏ. Nhóm hàng chế biến thì còn mang nặng tính gia công.

Có 4 nguyên nhân chủ yếu làm xuất khẩu tăng thấp hoặc giảm. Một, thị trường xuất khẩu bị co lại, nhất là các thị trường lớn. Hai, giá cả xuất khẩu giảm mạnh, như dầu thô (-55,5%), cao su (-42,6%), hạt tiêu (-29,8%), cà phê (-23,5%), hạt điều (-5,5%). Ba, khâu thanh toán ở các



Quý I chủ yếu là tái xuất khẩu vàng

đơn vị nhập khẩu ở nước ngoài gặp khó khăn do tín dụng bị thắt chặt. Bốn, khó khăn về nguồn hàng xuất khẩu ở trong nước.

Nhập khẩu giảm mạnh

Nhập khẩu tháng 1 đạt 3.344 triệu USD (giảm 55% so với cùng kỳ năm trước), tháng 2 đạt 4.188 triệu USD (giảm 31,9%), tháng 3 ước 4.300 triệu USD (giảm 45,7%), tính chung 3 tháng đạt 11.832 triệu USD (giảm 45%). Đây là mức giảm khá lớn, chưa từng xảy ra trong nhiều năm qua.

Sự sụt giảm của nhập khẩu diễn ra ở cả hai khu vực. Trong tổng số 9.681 triệu USD giảm so với cùng kỳ năm trước, thì khu vực kinh tế trong nước giảm tới 7.610 triệu USD (chiếm 78,6% tổng số giảm), khu vực có vốn đầu tư nước ngoài giảm 2.071 triệu USD (chiếm 21,4% tổng số giảm).

Sự sụt giảm của nhập khẩu diễn ra ở hầu hết các mặt hàng chủ yếu, trong đó đáng chú ý:

Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng tuy vẫn có kim ngạch cao nhất (2.383 triệu USD), nhưng giảm tới 30,2%. Sự sụt giảm này có tác động không tốt đến việc đổi mới thiết bị - công nghệ phục vụ

công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, nâng cao năng suất và sức cạnh tranh của sản phẩm.

Nhiều loại nguyên vật liệu phục vụ sản xuất sản phẩm tiêu thụ trong nước và sản xuất sản phẩm xuất khẩu, như: sữa và sản phẩm sữa (-20%), thức ăn gia súc và nguyên phụ liệu (-51,9%), xăng dầu (-60,2%), hoá chất (-31,3%), sản phẩm hoá chất (-28,2%), phân bón (-33,8%), thuốc trừ sâu (-43,5%), chất dẻo (-32%), gỗ và nguyên phụ liệu gỗ (-55,9%), bông (-59,2%), sợi dệt (-28,7%), vải (-15,5%), nguyên phụ liệu dệt may, giày dép (-26,8%), sắt thép (-71%), điện tử, máy tính và linh kiện (-29,2%)... Một mặt sự sụt giảm này phản ánh sự sụt giảm nhu cầu ở trong nước về đầu tư (vốn đầu tư nước ngoài thực hiện giảm 32%), về sản xuất (giá trị tăng thêm của công nghiệp chế biến giảm 0,3%, giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp chỉ tăng 2,1%, thấp xa so với tốc độ tăng 16,3% của cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực doanh nghiệp nhà nước giảm 3,2%, các ngành khác của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chỉ tăng 1,5%), về tiêu dùng (tổng mức bán lẻ hàng hoá

và doanh thu dịch vụ tiêu dùng sau khi loại trừ tốc độ tăng giá tiêu dùng bình quân tăng 6,5%, thấp hơn tốc độ tăng 11% của cùng kỳ năm trước). Mặt khác, sự sụt giảm của nhập khẩu cũng tác động không tốt đến sản xuất, nhất là sản xuất hàng xuất khẩu.

Trong điều kiện giá cả thế giới giảm thì đó là thời cơ để có thể tranh thủ nhập khẩu máy móc thiết bị nhằm đổi mới kỹ thuật- công nghệ, nhập khẩu nguyên vật liệu để sản xuất hàng xuất khẩu.

Xuất siêu, mừng ít, lo nhiều

Xuất siêu tháng 1 là 407 triệu USD, tháng 2 là 840 triệu USD, tháng 3 là 400 triệu USD, tính chung 3 tháng là 1.647 triệu USD.

Trước hết, đó là một tin mừng, vì mấy lẽ. Một là vị thế. Trong nhiều năm, Việt Nam nhập siêu lớn, nhập siêu liên tục, nhập siêu tăng, thì nay đã xuất siêu. Trong hai chục năm qua, chỉ có năm

1992 xuất siêu nhẹ (cả năm đạt 100 triệu USD) và năm 2006 xuất siêu trong tháng đầu năm. Nhập siêu đã tăng liên tục ở quy mô lớn (từ năm 2003- 2006, nhập siêu trên dưới 5 tỷ USD một năm, năm 2007 là 14,12 tỷ USD, năm 2008 là 18 tỷ USD); quý I/2008 lên đến gần 8,5 tỷ USD. Nay đã xuất siêu 3 tháng liên. Hai, đây là tín hiệu để mức nhập siêu cả năm có thể không lên đến 21- 22 tỷ USD như dự kiến kế hoạch, không cao hơn mức nhập siêu như năm 2007, 2008, mà có thể ở dưới 10 tỷ USD, thậm chí có thể còn thấp hơn do nhập khẩu giảm “kép” (vừa giảm do nhu cầu nên lượng nhập khẩu giảm, vừa giảm do giá giảm). Ba, xuất siêu hoặc nhập siêu giảm so với các năm trước sẽ góp phần cải thiện cán cân thanh toán, dự trữ ngoại hối để bảo đảm tính thanh khoản của quốc gia, giảm áp lực tăng tỷ giá VND/ngoại tệ mà có Tổ chức và chuyên gia quốc tế đã

cảnh báo cũng như khuyến cáo Chính phủ phá giá VND...

Tuy xuất, siêu, nhưng không hoàn toàn mừng mà còn hàm chứa không ít nỗi lo. Trước hết, xuất khẩu nếu không tính tái xuất vàng thì chỉ còn 11.238 triệu USD và khi đó sẽ nhập siêu 594 triệu USD, chứ không phải xuất siêu 1.647 triệu USD! Thứ hai, xuất siêu trên cơ sở đổi mới hàng xuất khẩu, nhập khẩu, tăng sức cạnh tranh, tăng xuất khẩu với tốc độ cao hơn tốc độ tăng nhập khẩu mới là điều hoàn toàn mừng; trong khi đang này xuất khẩu tăng thấp (thậm chí nếu không kể tái xuất vàng thì còn giảm), nhập khẩu giảm quá nhiều, thì lại không tốt. Đã có ý kiến cho rằng quý I/2009 đã thấy đáy; thấy đáy có thể là đáy rồi, nhưng cũng có thể đã trông thấy đáy còn đang ở phía trước... Dù sao, việc hồi phục sẽ có thể sớm đến, mà giá thế giới đang rẻ là cơ hội để đón đầu phục hồi! □

Chính sách tiền tệ - tỷ giá ở Việt Nam...

(tiếp theo trang 14)

nền kinh tế bình thường luôn được khuyến nghị tuân theo bất phương trình sau: L1L2L3L4, trong đó: L1: mức lạm phát; L2: lãi tiền gửi; L3: lãi cho vay và L4: lợi nhuận bình quân xã hội trong cùng kỳ hạn lãi suất. Nhiệm vụ của Nhà nước là lựa chọn mức “trần” lãi suất hoặc sử dụng “lãi suất cơ bản” sao cho phù hợp điều kiện cụ thể và mục tiêu vĩ mô kinh tế-xã hội của mình; Đồng thời, phải luôn tính đến và có những biện pháp khắc phục hậu quả mặt trái luôn song hành của cả việc nâng cao hay hạ thấp lãi suất, nếu không sẽ vấp phải vòng xoáy mới của lạm phát tùy theo mức độ phản ứng của các chủ thể kinh tế...

Thứ ba, về tổng thể, các hoạt động tín dụng chạy theo bề rộng,

khiến lạm phát gia tăng, người dân, doanh nghiệp và nền kinh tế chịu nhiều thiệt hại, trong khi các ngân hàng lãi cao ngất ngưỡng...

Lần sóng thành lập các ngân hàng mới, đua nhau tăng vốn điều lệ và phát hành các loại chứng khoán mới được thổi giá lên cao ngất ngưỡng một cách thiếu minh bạch, sự gia tăng các hoạt động cho vay chéo, đầu tư đa ngành mang nặng tính đầu cơ và mở rộng tín dụng theo bề rộng trước sức ép thu lợi nhuận cơ hội... đã tạo ra những xung lực cực mạnh làm gia tăng tổng phương tiện lưu thông, trực tiếp và gián tiếp gây ra, dung dưỡng và thúc đẩy vòng xoáy tăng giá-lạm phát trong thời gian gần đây ở nước ta. Hơn nữa, trong khi thoải mái “mua rẻ-bán đắt”

“các nguồn vốn đang dồi dào của xã hội thông qua vay tín dụng với lãi suất thấp, còn cho vay với lãi suất cao, các ngân hàng đã “ngậm miệng ăn tiền” trong năm 2007, hoặc “mở miệng” nhân danh chống lạm phát trong năm 2008 (thanh minh việc khống chế trần huy động vay tín dụng thấp để cho vay thấp, giúp giảm giá thành và kiềm chế tăng giá chung, trong khi luôn cho vay theo lãi suất cao không bị hạn chế, thậm chí lãi suất cho nhau vay qua đêm có khi tới 30%), rồi cuộc họ đều thu được các khoản lợi nhuận kếch sù từ chênh lệch lãi suất vay và cho vay, cũng như từ chênh lệch giá ảo với giá thực khởi điểm của các chứng khoán ngân hàng và cả từ nguồn thu phí dịch vụ kinh doanh chứng khoán các loại được tung ra ào ạt và giao dịch thiếu kiểm soát lành mạnh trên thị trường tài chính trong nước... □